TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2023
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Hà Hữu H1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết T trình bày:

Chị T và anh H1 chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, thường xuyên tranh cãi và gây gổ vì những bất đồng nhỏ nhặt trong cuộc sống. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Do không thể chung sống nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ở C từ đầu năm 2020

đến nay, mỗi người sống mỗi nơi và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay mạnh ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị T và anh H1 có 01 con chung là Hà Tuyết V, sinh ngày 19/02/2019. Hiện cháu V đang ở với anh H1 nên chị T đồng ý anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hồ Hữu H2: Anh H2 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Chị T và anh H2 có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B nên hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng quá trình chung sống do mâu thuẫn không tin tưởng lẫn nhau nên chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ở C sinh sống và ly thân cho tới nay; anh H2 đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, đều vắng mặt không có ý kiến nên lời khai của chị T là có căn cứ. Cả hai đã sống ly thân từ lâu cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh H2; về con chung: chị T đồng ý để anh H2 được tiếp tục nuôi con chung Hà Tuyết V, sinh ngày 19/02/2019 nên ghi nhận; về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị Phạm Thị Tuyết T và anh Hà Hữu H1 tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa chị T, anh H1 là hợp pháp. Chị T cho rằng thời gian chung sống cả hai không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên. Do không thể chung sống nên chị T đã phải bỏ về nha cha mẹ ở C từ năm 2020 và ly thân đến nay. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn, xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Như vậy lời khai của chị T là có căn cứ được chấp nhận.

Xét thấy, cả hai đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H1 là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh H1 có 01 con chung là Hà Tuyết V, sinh ngày 19/02/2019. Hiện cháu V đang ở với anh H1 nên chị T đồng ý anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị xin không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự tự nguyện của chị T là không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết T được ly hôn với anh Hà Hữu H1.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Tuyết T, giao cháu Hà Tuyết V, sinh ngày 19/02/2019 cho anh Hà Hữu H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phạm Thị Tuyết T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí: Chị Phạm Thị Tuyết T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0010008 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã Long Phước, TP. Bà Rịa;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thức